

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 11 năm 2022

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Cung cấp hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao xét nghiệm – Chương trình an toàn thực phẩm - Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh

Kính gửi: Các đơn vị quan tâm

Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đang có kế hoạch về việc mua sắm hóa chất sinh phẩm, vật tư tiêu hao xét nghiệm phục vụ cho hoạt động của Viện;

Ngày 28/10/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh đã phát hành công văn số 4094/PAS-KHTH về việc mời tham gia báo giá;

Đến ngày 04/11/2022 Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa nhận đủ báo giá để làm cơ sở xây dựng giá dự toán, Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh mời các đơn vị quan tâm tiếp tục tham gia chào giá cho các nội dung như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
1	Tube ly tâm 50ml	Cái	Cái	Chất liệu: polypropylene Chịu được nhiệt, lực cơ học và hóa chất Kích thước (đường kính x chiều cao): 30 x 115 (mm) Đã tiệt trùng sẵn, hấp tiệt trùng được (không nắp) Chịu được lực ly tâm RCF tối đa: đến 14,000 x g ở dạng rotor góc Không chứa DNase, RNase, human DNA Non-Pyrogenic, non-cytotoxic	130
2	Bao nylon cân mẫu	Kg	Kg	Bao nylon trong đựng mẫu, khối lượng đựng mẫu tối đa 1Kg	3
3	Găng tay cao su có bột	Hộp	Hộp/50 đôi	Cao su (latex), không bột, size S/M, độ dày tối thiểu 0,01 mm	9
4	Găng tay cao su không bột size M	Hộp	Hộp/50 đôi	Găng tay cao su y tế không bột phủ Polymer Latex Asap Size M (100 cái) Găng tay cao su y tế không bột phủ Polymer Latex Asap Powder Free Examination Gloves size M được sản xuất từ cao su tự nhiên, không bột và được phủ một lớp Polymer giúp găng dễ đeo	5
5	Kim tiêm 1ml	Hộp	Hộp/100Cây	Bơm tiêm sử dụng 1 lần 1ml/cc	4

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
6	Micropipet 1 kênh 10000 ul	Cái	Cái	Micropipet hấp tiệt trùng 1 kênh 2000-10000 μ l. Trọng lượng nhẹ, thiết kế gọn gàng, dễ sử dụng. Có thể hấp hoàn toàn và chịu đựng khử trùng hơi nước ở 121°C, 1 atm trong 20 phút. Sử dụng trong phòng thí nghiệm hóa học, sinh học, y học... dùng để lấy đi một lượng mẫu lỏng mà có thể đo được, thường dùng như là một dụng cụ phân phối chất lỏng	1
7	Đầu côn xanh 1000 ul	Gói	Gói/1000 cái	Tên sản phẩm: Đầu côn xanh 1000ul, có khóa Chất liệu: Nhựa PP Cân nặng: 0,61g Kích thước: 8x69mm Màu sắc: Xanh Mục đích: Chuyển mẫu chất lỏng Thời gian sử dụng: 5 năm Lưu trữ: 4-30°C Chứng chỉ: CE, ISO 13485, FSC	9
8	Đầu côn 200 ul	Gói	Gói/1000 cái	Đầu côn 200ul. Chất liệu: Nhựa polypropylene. Thiết kế kiểu vát để giảm bớt sự đọng mẫu, các loại có dung tích lớn thuận lợi để hút dung dịch từ các thùng sâu và hẹp. Có sẵn trong hộp vô trùng và gói rời (không vô trùng). Sử dụng phù hợp với các loại pipet thủ công và pipet điện	1
9	Vial trắng có nắp 2mL	Hộp	Hộp/100 cái	Chai vial trắng 2 ml, cổ nhân, nắp trắng có lỗ đệm PTFE Rubber Liner, có chỗ ghi chú 12x32mm và chia vạch/ Chất liệu: thủy tinh borosilicate/ Kèm nắp có đệm	4
10	Nắp vial	Hộp	Hộp/100 cái	Nắp cho vial sắc ký 1.5ml Đệm PTFE/SEPTA silicone Thành nắp vận cao 9mm bằng chất liệu PE	5
11	Phin lọc 0,45 μ m, f17 mm	Gói	Gói/100 cái	Bằng nhựa PTFE 0,45 μ m, f17 mm tiệt trùng	5
12	Phin lọc 0,22 μ m, f17 mm	Gói	Gói/100 cái	Bằng nhựa PTFE 0,22 μ m, f17 mm tiệt trùng	5
13	Phin lọc PTFE 0,22 μ m, f13 mm	Gói	Gói/100 cái	Bằng nhựa PTFE 0,22 μ m, f13 mm tiệt trùng	1
14	Phin lọc PTFE 0,45 μ m, f13 mm	Gói	Gói/100 cái	Bằng nhựa PTFE 0,45 μ m, f13 mm tiệt trùng	1
15	Giấy lọc định tính, đường kính 11 cm	Hộp	Hộp/100 cái	Giấy lọc định tính đường kính 11cm, hãng Newstar/ Phân tích hóa học định tính	6

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				- Đường kính: 9cm - Tốc độ lọc: Nhanh, trung, chậm	
16	Giấy lọc định tính, đường kính 09 cm	Hộp	Hộp/100 cái	Giấy lọc định tính đường kính 9cm, hãng Newstar/ Phân tích hóa học định tính - Đường kính: 9cm - Tốc độ lọc: Nhanh, trung, chậm	6
17	Giấy lọc PTFE ưa nước 047mm, 0.45um	Hộp	Hộp/100 cái	Màng lọc PTFE Lỗ lọc 0.45 μm , \varnothing 47mm	1
18	Giấy thử PH	Cuộn	Cuộn	Giấy đo PH 1-14 Genlab. Dạng cuộn 5 mét. Dùng đo pH của dung dịch (pH 1-14).	1
19	Dung dịch pH chuẩn 10	Chai	Chai/1000ml	Trạng thái: dạng lỏng (boric acid/potassium chloride/sodium hydroxide), traceable từ SRM đến NIST và PTB pH 10.00 (20°C) Certipur® Nhiệt độ sôi: 110 °C (1013 hPa) tỉ trọng: 1.00 g/cm ³ (20 °C) nhiệt độ nóng chảy: -6 °C pH: 10.0 (H ₂ O, 20 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C.	1
20	Dung dịch pH chuẩn 4	Chai	Chai/1000ml	trạng thái: dạng lỏng (citric acid/sodium hydroxide/hydrogen chloride), traceable to SRM from NIST and PTB pH 4.00 (20°C) Certipur® tỉ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) pH: 4.0 (H ₂ O, 25 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C.	1
21	Dung dịch pH chuẩn 7	Chai	Chai/1000ml	Trạng thái: dạng lỏng di-sodium hydrogen phosphate/potassium dihydrogen phosphate), traceable to SRM from NIST and PTB pH 7.00 (20°C) Certipur® Nhiệt độ sôi: 109 °C (1013 hPa) tỉ trọng: 1.01 g/cm ³ (20 °C) nhiệt độ nóng chảy: -5 °C pH: 7.0 (H ₂ O, 20 °C) bảo quản: +15°C đến +25°C	1
22	Pipet thủy tinh 10mL	Cây	Cây	Pipet thẳng thủy tinh chia vạch 10ml, loại A. Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Thang chia vạch rõ ràng, dễ đọc, độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng.	10
23	Pipet thủy tinh 10mL (Bầu)	Cây	Cây	Pipet bầu thủy tinh 10ml, loại AS. Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng	10
24	Pipet thủy tinh 5mL	Cây	Cây	Pipet thẳng thủy tinh chia vạch 5ml, loại A, Chất liệu: Thủy tinh soda-lime. Thang chia vạch rõ ràng, dễ đọc, độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng.	10

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
25	Pipet thủy tinh 5mL (Bầu)	Cây	Cây	Pipet bầu 5ml thủy tinh, loại AS. Chất liệu làm bằng: Thủy tinh soda-lime. Có độ chính xác cao. Dùng khi lấy mẫu, đo chính xác đến vạch cuối cùng	10
26	Giá đỡ ống nghiệm	Cái	Cái	Giá đỡ ống nghiệm Inox/ Chất liệu: Inox nên rất dễ chùi rửa, vệ sinh. - Có độ bền cao khi tiếp xúc hóa chất, môi trường oxy hóa - Hình dạng: Dạng lưới và dạng tấm - Số lỗ: Giá 12 ô Giá 16 ô Giá 30 ô Giá 32 ô - Kích thước: Giá đỡ ống nghiệm 18*180 60 lỗ Giá đỡ ống nghiệm 18*180 48 lỗ Giá đỡ ống nghiệm phi 30mm Giá đỡ ống nghiệm phi 100mm Giá đỡ ống nghiệm phi 90mm	10
27	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15 mm, dài 10 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	300
28	Ống nghiệm thủy tinh đường kính 15 mm, dài 12 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	100
29	Ống nghiệm thủy tinh chịu nhiệt đường kính 12mmx15cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	100
30	Ống nghiệm chịu nhiệt -đường kính 12 mm, dài 10 cm	Cái	Cái	Thủy tinh dùng để sản xuất ống nghiệm là loại Borosilicate 3.3 theo tiêu chuẩn ISO 3585:1998. Loại chất liệu này có các đặc tính và ưu điểm như khả năng chịu thủy phân loại 1 (theo DIN ISO 719), khả năng chống chịu acid loại 1 (DIN 12116), khả	100

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				năng chống chịu kiềm loại 2 (DIN ISO 695). Ngoài ra, các ống nghiệm còn có khả năng chịu nhiệt độ cao và khả năng chịu sốc nhiệt lên đến 500oC	
31	Ống đong thủy tinh 1lit	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 1000ml, class A, vạch chia 10ml, 65x460mm(dxh). Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mấu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
32	Ống đong thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 500ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
33	Ống đong thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 250ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	10
34	Ống đong thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 100ml, lớp A. Được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao nhất theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch được chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng. <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích Ống đong: 100ml - Giới hạn chính xác: 0.5mm - Độ chia: 1mm - Chiều cao: 256mm - Ống đong thủy tinh là dụng cụ thí nghiệm hóa học chất lượng cao, trong suốt, vạch chia màu xanh và độ chính xác cao - Đế của ống đong thủy tinh Duran có hình lục giác để dễ dàng đứng vững.	5
35	Ống đong thủy tinh 50 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 50ml, Class A. Ống đong là dụng cụ sử dụng phổ biến trong phòng thí nghiệm, dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định. Ống đong có thiết kế với cấu tạo 3 mấu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ và giúp ống đong vững chắc	10

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
36	Ống đong thủy tinh 25 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 25ml, class A. Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mấu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
37	Ống đong thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 100ml, lớp A. Được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao nhất theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch được chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng. <ul style="list-style-type: none"> - Dung tích Ống đong: 100ml - Giới hạn chính xác: 0.5mm - Độ chia: 1mm - Chiều cao: 256mm - Ống đong thủy tinh là dụng cụ thí nghiệm hóa học chất lượng cao, trong suốt, vạch chia màu xanh và độ chính xác cao - Đế của ống đong thủy tinh có hình lục giác dễ dàng đứng vững.	5
38	Ống đong thủy tinh 1lit	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 1000ml, class A, vạch chia 10ml, 65x460mm(dxh). Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mấu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
39	Ống đong thủy tinh 25 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 25ml, class A. Chân đế hình lục giác giúp ống đong tránh bị đổ. Chân đế có cấu tạo 3 mấu, giúp vững chắc. Độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo. Dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định.	5
40	Ống đong thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 250ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
41	Ống đong thủy tinh 50 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 50ml, Class A. Ống đong là dụng cụ sử dụng phổ biến trong phòng thí nghiệm, dùng để pha loãng dung dịch, trộn các thành phần khác nhau theo tỷ lệ xác định. Ống đong có thiết kế với cấu tạo 3 mấu, độ dày thành đồng nhất bao toàn bộ thang đo, chân đế hình	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				lục giác giúp ống đong tránh bị đổ và giúp ống đong vững chắc	
42	Ống đong thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Ống đong thủy tinh 500ml, lớp A. Thường được sử dụng để đong đo lường thể tích khác nhau và trộn lẫn các chất lỏng với độ chính xác cao theo tiêu chuẩn của DIN và ISO vạch chia rõ ràng, thủy tinh trong suốt đồng đều giúp bạn quan sát một cách dễ dàng	5
43	Bình tam giác chịu nhiệt 250ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 250ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 250ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	5
44	Bình tam giác chịu nhiệt 125ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 125ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 125ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	10
45	Bình tam giác chịu nhiệt 500 ml	Cái	Cái	Bình tam giác cổ rộng - 500ml Dùng cho các ứng dụng có nhiệt độ cao - Chất liệu: Thủy tinh/ Dung tích: 500ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao	5
46	Bình định mức 100mL	Cái	Cái	Bình định mức 100ml 0.1A, 12/21 nút nhựa, vạch xanh Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
47	Bình định mức 1L	Cái	Cái	Bình định mức 1000ml A 24/29 vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	10
48	Bình định mức 200mL	Cái	Cái	Bình định mức 200ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
49	Bình định mức 500mL	Cái	Cái	Bình định mức 500ml vạch xanh, nút nhựa. Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
50	Bình định mức 50mL	Cái	Cái	Bình định mức 50ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới,	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	
51	Bình lắng gạn 750ml	Cái	Cái	Bình định mức 750ml vạch xanh, nút nhựa Chất liệu: Thủy tinh, nút nhựa PE mới, vạch xanh class A - Khả năng chịu nhiệt của thủy tinh: 250°C Khả năng chịu nhiệt của nắp nhựa: -40°C đến +80°C	5
52	Cốc có mỏ thủy tinh 2 lít	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 2000 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	10
53	Cốc có mỏ thủy tinh 1l	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 1000 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	5
54	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 500 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	10
55	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 250 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	5
56	Cốc có mỏ thủy tinh 150 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 150 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	5
57	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml	Cái	Cái	Cốc có mỏ thủy tinh 100 ml - Thang chia vạch để đọc và dễ dàng ghi chú trên vùng nhãn rộng bằng men trắng, độ bền cao. - cốc có mỏ thuận tiện cho việc rót ra - Độ dày thành bình đồng nhất, lý tưởng cho các ứng dụng ở nhiệt độ cao	5

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
58	Cột sắc ký khí DB-5MS UI	Cái	Cái	Cột sắc ký khí 0.15 – 0.32 mm Length (m) 5 – 60 m Film (µm) 0.15 – 1.00 µm Temperature Limits (°C) -60 – 325/350 °C	1
59	Cột sắc ký lỏng RRHD Eclipse XDB-C18, 2.1x100mm, 1.8µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng RRHD Eclipse XDB-C18, 2.1x100mm, 1.8µm	1
60	Cột sắc ký lỏng RRHD Hilic 100x2.1 mm, 1.8 µm, 1200 bar	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng RRHD Hilic 100x2.1 mm, 1.8 µm, 1200 bar	2
61	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, SB-C18, 2.1x100mm, 2.7µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, SB-C18, 2.1x100mm, 2.7µm	3
62	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, Phe-Hex, 3.0x100mm, 2.7µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Poroshell 120, Phe-Hex, 3.0x100mm, 2.7µm	1
63	Cột sắc ký lỏng Polaris C18 100x2,0 mm; 3 µm	Cái	Cái	Cột sắc ký lỏng Polaris C18 100x2,0 mm; 3 µm	1
64	Cột sắc ký ái lực	Cái	Cái	Cột ái dịch miễn lực phân tích Aflatoxin AflaTest Columns, for Fluorometer & HPLC Vicam. Được chuyên dụng cho phân tích Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2, M1 và M2) - Thể tích 1 mL. - Giới hạn phát hiện từ 0,1 ppb đến 1000 ppb	100
65	Cột chiết tách sắc ký SCX	Hộp	Hộp/50 Cái	Xử lý mẫu các hợp chất mẫu water-soluble, chất lỏng sinh học và chất nền phản ứng hữu cơ - Size 500mg/3mL	2
66	Cột SPE C18	Hộp	Hộp/50 cái	Cột Chiết Pha Rắn SPE C18/ Chất nhồi C18 đã được endcapped Xử lý mẫu các hợp chất không phân cực/ 500mg/3mL	1
67	Tiền cột bảo vệ cho cột XDB-C18	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột XDB-C19	1
68	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC XDB C18 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC XDB C18 2.1mm	5
69	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột UHPLC C18 2.1mm	1
70	Tiền cột bảo vệ cho cột ,Poroshell HILIC, 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột ,Poroshell HILIC, 2.1mm	1
71	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC Plus 2.1mm	Cái	Cái	Tiền cột bảo vệ cho cột HILIC Plus 2.1mm	1
72	Bộ chiết xuất pha rắn 20 chỗ	Bộ	Bộ	-Bộ chiết pha rắn 20 vị trí và 20 van khóa -Áp suất : 80Kpa -Đồng hồ đo chân không với các valve chỉnh thô và chỉnh tinh để theo dõi và điều chỉnh mực chân không; có cả valve xả an toàn -Buồng bằng thủy tinh trong suốt cho phép theo dõi trực quan dễ dàng	2

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				<ul style="list-style-type: none"> -Độ dày thành đồng đều, có thể chịu được áp suất âm cao ở trên -80kpa - Xử lý nhiều mẫu cùng lúc tiết kiệm thời gian -Khay chiết và giá thu gom ống nghiệm được làm bằng vật liệu polymer đặc biệt, chống ăn mòn và có thể được sử dụng ở áp suất cao trong thời gian dài -Tương thích với nhiều loại cột lọc -Giá đỡ có thể điều chỉnh chứa nhiều loại ống nghiệm, lọ và bình -Bơm chân không tương thích với bộ chiết pha rắn SPE -Chân không tối đa: -630mmHg - Tốc độ dòng tối đa: 20 lit/phút -Có điều chỉnh chân không -Độ ồn: 50dB -Nguồn điện: 230V, 50Hz -Công suất tối đa: 60W 	
73	Bộ kit tách chiết Quescher, dùng phương pháp truyền thống	Hộp	Hộp/50 cái	Bao gồm: Các ống chiết, các ống làm sạch, hóa chất tách chiết và làm sạch có sẵn riêng biệt. Các ống chiết có sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 2mL - 15mL và ống làm sạch chứa sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 1-3 mL	1
74	Bộ kit tách chiết Quescher, dùng phương pháp AOAC 2007.01	Hộp	Hộp/50 cái	Bao gồm: Các ống chiết, các ống làm sạch, hóa chất tách chiết và làm sạch có sẵn riêng biệt. Các ống chiết có sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 2mL - 15mL và ống làm sạch chứa sẵn hỗn hợp hóa chất ở kích thước 1-3 mL	1
75	Ammonium acetate Chuẩn Salbutamol	Chai	Chai/1000g	Hóa chất có dạng rắn, màu trắng Ammonium acetate, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$ Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
76	Chuẩn Salbutamol	Lọ	Lọ/100mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
77	Chuẩn Chì (Pb)	Cái	Cái	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
78	Dung dịch Acetonitril (HPLC)	Chai	Chai/4 l	Acetonitrile (ACN) HPLC Grade 4L/ Purity Grade Notes: Mobile phase for HPLC applications Công thức CTPT: C ₂ H ₃ N Tan trong nước Water: 0.01% max. Độ nhớt: 0.36 cP at 20°C Không màu	2
79	Dung dịch Acid HNO ₃ đậm đặc	Chai	Chai/1000ml	Nitric acid 65% EMPLURA®, dạng lỏng, không màu/HNO ₃ : 64,3 - 66,4% - Chloride (Cl) $\leq 0.0003\%$ - Nitrogen oxides (as N ₂ O ₃) $\leq 0.003\%$ - Sulfate (SO ₄) $\leq 0.001\%$ - Heavy metals (as Pb) $\leq 0.0005\%$	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
				<ul style="list-style-type: none"> - As (Arsenic) ≤ 0.0001 % - Ca (Calcium) ≤ 0.001 % - Fe (Iron) ≤ 0.0004 % - NH₄ (Ammonium) ≤ 0.001 % - Dư lượng bay hơi $\leq 0,01$ 	
80	Dung dịch Acid sulfuric H ₂ SO ₄	Chai	Chai/1000ml	<p>Sulfuric acid 95-97% Công thức hóa học: H₂SO₄ Khối lượng phân tử: 98,07 g/mol Số CAS: 7664-93-9</p>	3
81	Dung dịch Acid Trichloroacetic	Chai	Chai/250g	<p>Trichloroacetic acid là chất rắn, không màu, mùi gây nhức. Tên gọi khác: TCA. Công thức hóa học: CCl₃COOH. CCl₃COOH ≥ 99.5 % Chloride (Cl) ≤ 10 ppm Nitrate (NO₃) ≤ 20 ppm Phosphate (PO₄) ≤ 5 ppm Sulphate (SO₄) ≤ 200 ppm Kim loại nặng(như Pb) ≤ 20 ppm Cu (Copper) ≤ 5 ppm Fe (Iron) ≤ 10 ppm</p>	1
82	Dung dịch ethanol 99%, HPLC	Chai	Chai 2.5L	<p>Dung dịch Ethanol absolute HPLC 99,8% Tên khác Ethyl Alcohol C₂H₅OH</p>	1
83	Dung dịch Methanol (HPLC)	Chai	Chai 2.5L	<p>CTHH: CH₃OH. Tên gọi khác: MeOH, Hydroxymethane, Methyl alcohol, Carbinol. Trạng thái: chất lỏng, không màu/CH₃OH: ≥ 99.9% - Nước: ≤ 0.02% Tính chất: - Trạng thái: Chất lỏng, không màu - Khối lượng riêng: 0.792 g/cm³ (20°C) - Nhiệt độ sôi: 64.5°C (1013 hPa) - Nhiệt độ nóng chảy: -98°C - Tính tan trong nước: ở 20°C hòa tan được - Khối lượng riêng: 0,792 g/cm³ ở 20°C</p>	3
84	Dung dịch NH ₄ OH	Chai	Chai/1000ml	<p>Ammonia solution 25% for analysis EMSURE® - NH₃: 25.0 - 30.0 % - Carbonate (as CO₂): ≤ 10 ppm - Chloride (Cl) ≤ 0.5 ppm - Phosphate (PO₄) ≤ 0.5 ppm - Silicon (as SiO₂) ≤ 10 ppm - Sulfate (SO₄) ≤ 2 ppm - Một số kim loại khác (Na, Mg, Mn, Li, Pb, Fe, Cu...) ≤ 0.100 ppm - Chất không bay hơi: 10 ppm Độ tinh sạch 95%</p>	1
85	Khí Acetylen	Bình	Bình	<p>Khí acetylen tinh khiết: thường là vỏ chai 40 lít chứa 6 kg khí acetylen Độ tinh khiết: 99.8%</p>	3
86	KI - Potassium iodide	Chai	Chai/250g	<p>Độ tinh khiết ≥ 99.5%, Potassium iodide for analysis EMSURE® ISO, Reag. Ph Eur</p>	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
87	Sodium chloride - NaCl	Chai	Chai/1000g	Sodium chloride for analysis EMSURE® ACS,ISO,Reag. Ph Eur. Hàm lượng: ≥ 99.5 %. Hóa chất được sử dụng trong phân tích hóa học tại phòng thí nghiệm. Sử dụng, trực tiếp hoặc gián tiếp trong sản xuất nhiều hóa chất.	5
88	Sodium carbonate - Na ₂ CO ₃	Chai	Chai/1000g	Hóa chất Sodium Carbonate anhydrous Hàm lượng: ≥ 99.5 % Mã sản phẩm: 106392	1
89	Dung dịch Acetonitril (HPLC)	Chai	Chai/4 l	Acetonitrile (ACN) HPLC Grade 4L/ Purity Grade Notes: Mobile phase for HPLC applications Công thức CTPT: C ₂ H ₃ N Tan trong nước Water: 0.01% max. Độ nhớt: 0.36 cP at 20°C Không màu	1
90	Dung dịch Acid acetic (HPLC)	Chai	Chai/1000ml	CH ₃ COOH Khối lượng mol 60,05 g/mol Điểm sôi 116 - 118 °C (1013 hPa) Khối lượng riêng 1.05 g/cm ³ (20 °C)/ CH ₃ COOH ≥ 99.8 %	1
91	Dung dịch Acid HCL đậm đặc	Chai	Chai/500 gr	Hydrochloric acid fuming 37% thể lỏng, trong suốt không màu, mùi gây nhưc/HCl : 37.0 – 38.0 % Cl tự do ≤ 0.4 ppm Bromide (Br) ≤ 50 ppm Phosphate (PO ₄) ≤ 0.5 ppm Sulphate (SO ₄) ≤ 0.5 ppm Sulfite (SO ₃) ≤ 0.5 ppm Kim loại nặng(như Pb) ≤ 1 ppm Ag (Silver) ≤ 0.020 ppm Al (Aluminium) ≤ 0.050 ppm	1
92	Dung dịch Acid HNO ₃ đậm đặc	Chai	Chai/1000ml	Nitric acid 65% EMPLURA®, dạng lỏng, không màu/ HNO ₃ : 64,3 - 66,4% - Chloride (Cl) ≤ 0.0003 % - Nitrogen oxides (as N ₂ O ₃) ≤ 0.003 % - Sulfate (SO ₄) ≤ 0.001 % - Heavy metals (as Pb) ≤ 0.0005 % - As (Arsenic) ≤ 0.0001 % - Ca (Calcium) ≤ 0.001 % - Fe (Iron) ≤ 0.0004 % - NH ₄ (Ammonium) ≤ 0.001 % - Dư lượng bay hơi ≤ 0,01	1
93	Chuẩn Cimetidine	Lọ	Lọ/ 100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
94	Chuẩn Ranitidin	Lọ	Lọ/ 100 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
95	Chuẩn Omeprazol	Lọ	Lọ/250 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1
96	Chuẩn Ginsenosid Rg1	Lọ	Lọ/50 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết ≥ 99.99%	1

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Quy cách/đóng gói	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
97	Chuẩn Ginsenosid Rb1	Lọ	Lọ/50 mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
98	Chuẩn Flunarizin	Lọ	Lọ/200mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
99	Chuẩn Vinpocetin	Lọ	Lọ/200mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
100	Chuẩn Diazepam	Lọ	Lọ/1ml	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
101	Chuẩn Amlordipin	Lọ	Lọ	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
102	Chuẩn Phenobarbital	Lọ	Lọ/100mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
103	Chuẩn Enalapril	Lọ	Lọ/50mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
104	Chuẩn Captopril	Lọ	Lọ/500mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
105	Chuẩn Asen (As)	Lọ	Lọ/100ml	Chai 1000mg/L độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
106	Chuẩn Tetracyclin	Lọ	Lọ/500mg	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
107	Chuẩn Ciproloxacin	Lọ	Lọ/1G	Hóa chất có dạng rắn, độ tinh khiết $\geq 99.99\%$	1
108	Chuẩn Hóa chất BVTV gốc clor hữu cơ	Lọ	Lọ/1ml	Dung dịch chuẩn thuốc trừ sâu Clo hữu cơ mix 17 thành phần: Organochlorine Pesticides Mixture - 17 components; Aldrin [CAS:309-00-2] 250ug/ml ; Alpha-HCH [CAS:319-84-6] 250ug/ml ; Beta-HCH [CAS:319-85-7] 250ug/ml ; 4,4'-DDD (TDE) [CAS:72-54-8] 250ug/ml ; 4,4'-DDE [CAS:72-55-9] 250ug/ml ; 4,4'-DDT [CAS:50-29-3] 250ug/ml ; Delta-HCH [CAS:319-86-8] 250ug/ml ; Dieldrin [CAS:60-57-1] 250ug/ml ; Endosulfan-alpha [CAS:959-98-8] 250ug/ml ; Endosulfan-beta [CAS:33213-65-9] 250ug/ml ; Endosulfan-total (sulfate) [CAS:1031-07-8] 250ug/ml ; Endrin [CAS:72-20-8] 250ug/ml ; Endrin aldehyde [CAS:7421-93-4] 250ug/ml ; Gamma-HCH (Lindane) [CAS:58-89-9] 250ug/ml ; Heptachlor [CAS:76-44-8] 250ug/ml ; Heptachlor-exo-epoxide [CAS:1024-57-3] 250ug/ml ; Methoxychlor (DMTD) [CAS:72-43-5] 1000ug/ml in Methanol	2
109	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Al	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode đa nguyên tố Al	1
110	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Mg	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode đa nguyên tố Mg	1
111	Đèn cathode rỗng cho nguyên tố Mn	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode nguyên tố Mn	1
112	Đèn phóng điện không điện cực nguyên tố Zn	Cái	Cái	Đèn Hollow Cathode nguyên tố Zn	1

- Hồ sơ báo giá gồm:

- + Báo giá theo mẫu phụ lục kèm theo
- + Tài liệu liên quan: bao gồm hồ sơ kỹ thuật, các hồ sơ pháp lý của sản phẩm
- Thời gian nhận báo giá: trước 16 giờ 00 phút ngày 09/11/2022
- Hình thức gửi:
- + Bản chính Hồ sơ báo giá được gửi về Bộ phận văn thư – Viện Pasteur Thành phố Hồ Chí Minh – Địa chỉ: 167 Pasteur Phường Võ Thị Sáu Quận 3 Thành phố Hồ Chí Minh.

- File mềm được gửi đến địa chỉ email: ptquynhpas@gmail.com
- Mọi chi tiết xin liên hệ: chị Phan Thu Quỳnh – phòng Kế hoạch tổng hợp, số điện thoại 0989.597.584

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Viện trưởng (để báo cáo);
- Trưởng phòng KHTH (để báo cáo);
- Phòng HCQT (CNTT) để thực hiện;
- Lưu: VT, KHTH.

**TL. VIỆN TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHTH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG KHTH**



